

Số:1139/TC-STP

Lai Châu, ngày 23 tháng 8 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2024

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2024, như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 7 năm 2024, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành 08 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

I. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Quy định tiêu chí thành lập Tổ; tiêu chí số lượng thành viên; mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý.

3. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Đặt tên đường phố trên địa bàn thành phố Lai Châu.

4. Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 – 2025 trên địa bàn tỉnh.

5. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

II. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 Ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu.

B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trên cơ sở thông tin do các Sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 08 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Quy định tiêu chí thành lập Tổ; tiêu chí số lượng thành viên; mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.1 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

- Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

- Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng Ban bảo vệ dân phố, Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 và mức hỗ trợ hàng tháng đối với Công an viên (ở thôn, bản thuộc xã), Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

1.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 28/11/2023, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Theo đó, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết một số nội dung, cụ thể như sau:

- Khoản 3 Điều 14 của Luật quy định: “*Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa*

phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.”

- Khoản 1 khoản 2 Điều 23 của Luật quy định: “Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

- Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 của Luật quy định:

“b) Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng mức tiền bồi dưỡng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

c) Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

- Khoản 2 Điều 26 của Luật quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.”

Bên cạnh đó, ngày 16/4/2024 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Theo đó, tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP quy định “Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”. Đồng thời, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP quy định “3. Mức hưởng: a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hằng ngày, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời cụ thể hóa Luật Lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở; Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh

Lai Châu; Thông tư số 14/2014/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; đảm bảo yêu cầu công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

1.3 Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND gồm 10 Điều:

Điều 1. Quy định về Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

Điều 2. Quy định về Đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

Điều 3. Quy định về Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Điều 4. Quy định về Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 5. Quy định về Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Điều 6. Quy định về Mức bồi dưỡng đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ

Điều 7. Quy định về Mức hỗ trợ đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ mà bị ốm đau, tai nạn, bị thương, bị chết

Điều 8. Quy định về Một số nội dung chỉ khác.

Điều 9. Quy định về Tổ chức thực hiện.

Điều 10. Quy định về Hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý.

2.1 Hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

2.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 11/12/2019 Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại các Thông tư hiện hành của Bộ Y tế.

Tuy nhiên, ngày 17/11/2023, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BYT quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp. Theo đó, mức giá tối thiểu trong từng khung giá quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế đều cao hơn mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mặt khác, tại khoản 2, Điều 4, Thông tư số 21/2023/TT-BYT quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc địa phương quản lý và quyết định mức giá cụ thể hoặc thực hiện áp giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp”. Từ các lý do trên, việc ban hành Nghị quyết Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời cụ thể hóa Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

2.3 Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 gồm 06 điều:

Điều 1. Quy định về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý; Người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế; Người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định về Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

Điều 3. Quy định về Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp: Áp dụng giá theo loại hình cơ sở y tế quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị quyết.

Điều 4. Quy định về Quy định chuyển tiếp

Điều 5. Quy định về Tổ chức thực hiện

Điều 6. Quy định về Hiệu lực thi hành

3. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Đặt tên đường phố trên địa bàn thành phố Lai Châu.

3.1 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024

3.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Trong những năm các tuyến đường đô thị được hình thành, nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch phát triển đô thị, nhiều tuyến đường được xây dựng mới, dân cư sinh sống dần ổn định.

Qua rà soát tại Thành phố Lai Châu và Thị trấn Phong Thổ có một số tuyến đường, phố cần thiết phải được đặt tên, để thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, quản lý đô thị, giao dịch của nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Theo quy định tại Điều 16 của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định “Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng”.

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4, Nghị định số 11/2010/NĐCP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đặt tên đường thuộc hệ thống đường đô thị, đường tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp”.

Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 7 Quyết định 35/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Lai Châu quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: “Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đặt tên hoặc đổi tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.”.

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước, nhằm đáp ứng nguyện vọng của nhân dân địa phương đối với các tuyến đường, phố đã ổn định, lâu dài cần được đặt tên cho phù hợp, với tiêu chí lựa chọn danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh và danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về mặt chính trị, văn hóa, xã hội, qua đó góp phần giáo dục truyền thống lịch sử của dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Lai Châu và thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Nhằm tạo hành lang pháp lý, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính của các địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân trong quan hệ giao dịch và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội. Đồng thời xây dựng đô

thì phù hợp với quy hoạch phát triển chung, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

3.3 Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND gồm 03 Điều

Điều 1. Quy định về Đặt tên đường, phố trên địa bàn Thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

Đặt tên 01 tuyến đường, điều chỉnh kéo dài 02 tuyến đường, đặt tên 07 phố, điều chỉnh kéo dài 04 phố. *(Chi tiết tại phụ biểu kèm theo)*

Điều 2. Quy định về trách nhiệm của các cơ quan được HĐND tỉnh giao

Điều 3. Quy định về Hiệu lực thi hành

4. Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 – 2025 trên địa bàn tỉnh.

4.1 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024

4.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 18/01/2024, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2024/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó tại khoản 7 Điều 4 quy định:

“a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định lựa chọn không quá 02 huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng Chương trình mục tiêu quốc gia cho huyện được lựa chọn thí điểm;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025;

c) Việc quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của huyện thực hiện cơ chế thí điểm được thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội”.

Từ căn cứ trên, việc ban hành Nghị quyết lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục

tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Tạo sự chủ động, tăng cường phân cấp, phân quyền, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn được giao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, tạo ra tác động lan tỏa.

4.3 Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND gồm 03 Điều.

Điều 1. Quy định Lựa chọn 02 huyện: Phong Thổ và Nậm Nhùn thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 7, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Quy định về nhiệm vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 3. Quy định về Hiệu lực thi hành.

5. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

5.1 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024

5.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2022/NQHĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Sau gần 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng: Tỷ lệ giảm hộ nghèo hằng năm vượt kế hoạch đề ra; việc phân bổ vốn thực hiện các tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (tổng số ngân sách trung ương đã phân bổ trong 03 năm 2022- 2024 là 1.156.460 triệu đồng); Ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình đạt 35.284 triệu đồng, bằng 3,05% tổng vốn ngân sách trung ương giao.

Tuy nhiên, tại Điều 5 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa quy định cụ thể tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương cho Chương trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh thì việc quy định cụ thể mức đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hiệu quả, đạt các mục tiêu đề ra.

5.3 Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều.

Điều 1. Quy định về Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

“Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng mức tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (Trong đó: Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý thực hiện; Ủy ban 4 nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng cấp huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện.”

Điều 2. Quy định về Tổ chức thực hiện

Điều 3. Quy định về Hiệu lực thi hành

6. Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 Ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu.

6.1 Hiệu lực thi hành: Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2024

6.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 23/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó,

tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định “Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được xây dựng trên cơ sở tích hợp dữ liệu điện tử từ cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính”. Bên cạnh đó, tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương; chỉ đạo các sở, ban, ngành cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính. ...”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Tư pháp đã giúp UBND tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu Quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu. Đến nay, Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu đã được xây dựng và hoạt động có địa chỉ link truy cập: <https://qlxp.laichau.gov.vn>. Để Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu hoạt động hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và báo cáo tình hình quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính của tỉnh, việc UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Quyết định nhằm quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và báo cáo tình hình quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính của tỉnh. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý Nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo tính chủ động, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh

6.3 Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

Điều 1. Quy định về việc ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu

Điều 2. Quy định về hiệu lực thi hành;

Điều 3. Quy định về tổ chức thực hiện.

* Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 gồm 4 chương, 21 điều

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định về quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng là Cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính; Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính; Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khác có liên quan đến việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quy định về Giải thích từ ngữ

Điều 3. Quy định về Nguyên tắc quản lý, cung cấp cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Điều 4. Quy định về Tên miền, tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu

Điều 5. Quy định về Những hành vi bị nghiêm cấm

Chương II. CUNG CẤP, TIẾP NHẬN, CẬP NHẬT, BỔ SUNG, ĐÍNH CHỈNH, HIỆU CHỈNH THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 6. Quy định về Thông tin về xử phạt vi phạm hành chính được nhập mới và cập nhật bổ sung vào Cơ sở dữ liệu

Điều 7. Quy định về Thông tin về áp dụng biện pháp xử lý hành chính được nhập mới và cập nhật bổ sung vào Cơ sở dữ liệu

Điều 8. Quy định về Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính

Điều 9. Quy định về Tiếp nhận, kiểm tra và thời hạn kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính

Điều 10. Quy định về Nhập mới thông tin về xử lý vi phạm hành chính vào Cơ sở dữ liệu

Điều 11. Quy định về Cập nhật bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu

Điều 12. Quy định về Đính chính, hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu

Chương III. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 13. Quy định về Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Điều 14. Quy định về Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu thông qua hình thức kết nối qua mạng máy tính với Cơ sở dữ liệu

Điều 15. Quy định về Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu thông qua hình thức bằng văn bản yêu cầu

Điều 16. Quy định về Những trường hợp không cung cấp thông tin đối với yêu cầu khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu bằng văn bản

Điều 17. Quy định về Chi phí phải trả cho việc yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản

Điều 18. Quy định về Trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Quy định về Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Điều 20. Quy định về Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản sử dụng Cơ sở dữ liệu

Điều 21. Quy định về Trách nhiệm của các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn

7. Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu.

7.1 Hiệu lực thi hành: Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 75/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trưởng phòng, phó trưởng phòng Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

7.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Những năm qua, thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đưa vào sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II, thống nhất trong các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Trên mạng truyền số liệu chuyên dùng, chạy ứng dụng quản lý văn bản và điều hành, ứng dụng ký số... Theo đó, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, hiện nay qua rà soát Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 16/11/2020, Sở Thông tin và Truyền thông nhận thấy một số nội dung, cụ thể: Một số căn cứ pháp lý đã không còn hiệu lực như: Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tại Khoản 3 Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định:

“3. Ban hành Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương”. Do đó, để triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước; Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Đồng thời để tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương thì việc Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực pháp lý của các quy định pháp luật đối với mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh để hợp pháp, thống nhất, đồng bộ hệ thống pháp luật, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

7.3 Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 gồm 03 điều:

Điều 1. Quy định về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu;

Điều 2. Quy định về hiệu lực thi hành;

Điều 3. Quy định về tổ chức thực hiện.

* Quy Chế ban hành kèm theo Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 gồm 03 Chương, 16 Điều:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh của quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quy định về đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Quy định về giải thích từ ngữ.

Chương II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định về Danh mục dịch vụ, ứng dụng

Điều 5. Quy định về Chất lượng của mạng truyền dữ liệu.

Điều 6. Quản lý, vận hành mạng TSLCD truy nhập cấp II.

Điều 7. Quy định về mô hình và địa chỉ Kết nối.

Điều 8. Quy định về yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 9. Quy định về giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập.

Điều 10. Quy định về giá cước dịch vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định về Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Quy định về Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD truy nhập cấp II.

Điều 13. Quy định về Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.

Điều 14. Quy định về Trách nhiệm của người sử dụng mạng TSLCD truy nhập cấp II.

Điều 15. Quy định về Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Điều 16. Quy định về Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành.

8. Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu.

8.1 Hiệu lực thi hành: Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/ 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quản lý.

8.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Tại Khoản 3, Điều 2 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ quy định doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Ngày 17/6/2020, Quốc hội ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, trong đó tại Khoản 11, Điều 4 quy định “Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này”; tại Khoản 1, Điều 88 Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm: “a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc

tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này”.

Tại Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh quy định chế độ công khai thông tin doanh nghiệp được thực hiện theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực từ ngày 10/7/2021 được thay thế bởi Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được sửa đổi bởi Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021.

Tại khoản 3, Điều 16 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ quy định trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về tài chính doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp cơ quan tài chính xem xét, quyết định thực hiện hình thức giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp. Mặt khác, theo tinh thần tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp là đổi mới công tác xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, giảm thiểu phiền hà cho doanh nghiệp. Ngày 21/4/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 58/NQ-CP về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025. Theo đó, một số quy định tại Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh không còn phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 58/NQ-CP.

Theo quy định tại Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước thì một số nội dung được quy định tại Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã không còn phù hợp và trái với quy định hiện hành. Do đó, việc UBND tỉnh xây dựng và ban hành Quyết định ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu để thay thế Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quản lý là hết sức cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Hoàn thiện cơ chế, chính sách trong công tác thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu theo đúng quy định.

8.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 có 4 chương 13 Điều

*** Chương I: Quy định chung, gồm 03 Điều**

Điều 1. Quy định về Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu. Trường hợp quy định của pháp luật về xổ số khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xổ số.

Điều 2. Quy định về Đối tượng áp dụng bao gồm:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Các cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này; Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp có vốn nhà nước (*doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ*); Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu.

Điều 3. Quy định về Mục đích của việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

*** Chương II: Quy định về giám sát tài chính, gồm 04 Điều**

Điều 4. Quy định về Chủ thể giám sát

Điều 5. Quy định về Nội dung giám sát

Điều 6. Quy định về Phương thức giám sát

Điều 7. Quy định về Tổ chức giám sát

*** Chương III: Quy định về đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp, gồm 02 mục và 05 Điều.**

Mục 1: Đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 8. Quy định về Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Điều 9. Quy định về Căn cứ đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp

Điều 10. Quy định về Phương thức đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại doanh nghiệp

Điều 11. Quy định về Tổ chức và báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp

Mục 2: Đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước, có 01 Điều

Điều 12. Quy định về Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước

*** Chương IV: Tổ chức thực hiện, có 01 Điều**

Điều 13. Quy định về Tổ chức thực hiện

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2024, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PTTH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh)
- UBND các huyện, Thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT sở Tư pháp (đăng tải);
- Lưu: VP, PBGDPL.

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Hải